

Số: 292/TTYT-KDVTBĐT

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 9 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế Thái Nguyên có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua bổ sung vật tư y tế và vật tư xét nghiệm năm 2025 của Trung tâm Y tế Thái Nguyên (lần 3), với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế Thái Nguyên.

Địa chỉ: Tổ 22, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên.

2. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày đăng tải thông báo yêu cầu báo giá. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Bản cứng hoặc bản mềm quét PDF (bản đã đóng dấu).

- Bản cứng tại: Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế, Trung tâm Y tế Nguyên (Địa chỉ: Tổ 22, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên). Đối với trường hợp gửi bưu điện, Trung tâm nhận được báo giá phải trong thời hạn tiếp nhận báo giá.

- Bản mềm quét PDF (bản đã đóng dấu): Đề nghị các đơn vị báo giá vui lòng gửi bản scan báo giá đến địa chỉ email: khoaduocTTYTPTN@gmail.com.

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày.

Báo giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có).

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa theo phụ lục đính kèm.

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản: Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm kho tại Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế, Trung tâm Y tế Thái Nguyên. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm nêu trên, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng do Nhà thầu thực hiện, các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng.

3. Thời gian thực hiện gói thầu dự kiến: 04 tháng, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không thực hiện.
- Thời hạn thanh toán: Thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ khi nhà thầu đã giao đủ hàng và cung cấp đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu (chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật).
- Số lần thanh toán: Thanh toán thành nhiều đợt theo tiến độ giao hàng.

5. Các thông tin khác: Không.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website Trung tâm;
- Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia;
- Lưu: VT, KD-VTTBYT.

GIÁM ĐỐC

Hà Đức Trịnh

Tên công ty báo giá:

Địa chỉ:

Mã số thuế:

Số điện thoại/email liên hệ:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: {Ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá}

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của... *[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]*, chúng tôi ... *[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các hàng hóa như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa và dịch vụ liên quan:

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Đơn giá đã có VAT (VNĐ)	Chi phí các dịch vụ liên quan	Thành tiền (VNĐ)
1	Hàng hóa A										
2	Hàng hóa B										
	...										

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ...

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..., ngày ... tháng ... năm ...

Đại diện hợp pháp của Hãng sản xuất/Nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số 292/TTYT-KDVTTBYT ngày 08/9/2025 của Trung tâm Y tế Thái Nguyên)

Stt	Danh mục hàng hóa	Quy cách đóng gói, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Càng mũi khí dung	Chất liệu: Nhựa PVC y tế hoặc tương đương.	Cái	50
2	Cồn tẩy HCl 3%	Chai $\geq 500\text{ml}$.	Chai	4
3	Đầu hút mũi	Chất liệu: Nhựa y tế.	Cái	100
4	Dây điện châm	Dùng cho máy điện châm KWD-808I hoặc tương đương. Bộ 6 dây.	Bộ	10
5	Dây nguồn máy điện châm	Dùng cho máy điện châm KWD-808I hoặc tương đương. Dài $\geq 1\text{m}$.	Cái	10
6	Điếu ngải chân úp	Thành phần chính: Ngải cứu.	Cái	300
7	Dung dịch carbon fuchsin 0,3%	Chai $\geq 500\text{ml}$.	Chai	4
8	Dung dịch xanh methylen 0.3%	Chai $\geq 500\text{ml}$.	Chai	4
9	Gạc bông đắp vết thương (10cm x 20cm)	Kích thước: 10 x 20cm. Sản phẩm được làm từ 2 lớp vải không dệt hút nước bên ngoài, và 1 lớp đệm bông tự nhiên tinh chế (100% cotton) ở giữa. Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. Tiệt trùng bằng khí EO.	Miếng	1.000
10	Mặt gương	Dùng trong nha khoa. Chất liệu: Thép không gỉ hoặc tương đương	Cái	100
11	Môi trường kiểm tra nhanh sự hiện diện của Helicobacter pylori	Ống nhựa có nắp nhấn kín chứa $\geq 0,3\text{ml}$ môi trường thạch dùng để kiểm tra nhanh sự hiện diện của Helicobacter pylori trong mẫu bệnh phẩm hoặc trên môi trường nuôi cấy. Thành phần: Urea, Phenol red, Agar, pH 6.8 ± 0.2 ở 25°C	Ống	300
12	Gel điện tim (Tuýp $\geq 250\text{ml}$)	Tuýp $\geq 250\text{ml}$	Tuýp	10
13	La men (22 x 22mm)	Kích thước: 25,4 *76,2 mm (1"x3"), độ dày 1.0 - 1.2mm. Hộp ≥ 72 cái.	Hộp	10

Stt	Danh mục hàng hóa	Quy cách đóng gói, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
14	Test thử HBsAg	Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương hoặc huyết thanh. Độ nhạy: $\geq 99,8\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 99,9\%$; Đọc kết quả trong vòng 5 - 25 phút.	Test	1.200
15	Test thử HCV	Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương hoặc huyết thanh. Độ nhạy: $\geq 99,8\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 99,2\%$. Đọc kết quả trong vòng 5 - 25 phút.	Test	1.200
16	Test thử Heroin Morphin	Phát hiện định tính nhóm chất thuốc phiện Morphine - Heroin - Opiates trong nước tiểu. Ngưỡng phát hiện: 300 ng/ml. Độ nhạy: $\geq 99,8\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 99,6\%$. Đọc kết quả trong vòng 1 - 5 phút.	Test	3.000
17	Test thử HIV	Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương hoặc huyết thanh. Độ nhạy: $\geq 99,8\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 99,5\%$; Đọc kết quả trong vòng 5 - 25 phút.	Test	1.000
18	Vật tư xét nghiệm cho máy sinh hóa BT 4500 hoặc tương đương			
18.1	Hóa chất xét nghiệm Amylase trong máu	Thành phần: MES buffer pH 6.00: 100 mmol/L, Sodium chloride: 350 mmol/L, Calcium Acetate: 6 mmol/L, Potassium thiocyanate: 900 mmol/L, CNP-G3: 2.27 mmol/L. Hộp ≥ 100 mL	Hộp	4
18.2	Hóa chất xét nghiệm CK trong máu	Thành phần hoạt chất: Hóa chất R1: Imidazole pH 6.0: 60 mmol/L; Glucose: 27 mmol/L; N-Acetylcysteine (NAC): 27 mmol/L; Magnesium acetate: 14 mmol/L; EDTA-Na2: 2 mmol/L; NADP: 2.7 mmol/L; Hexokinase (HK): ≥ 5 kU/L; Hóa chất R2: Imidazole pH 9.0: 160 mmol/L; ADP: 11 mmol/L; AMP: 28 mmol/L; Diadenosine pentaphosphate: 55 μ mol/L; Glucose-6-phosphate dehydrogenase (G6P-DH): ≥ 14 kU/L; EDTA-Na2: 2 mmol/L; Creatine phosphate: 160 mmol/L Hộp $\geq 62,5$ ml	Hộp	4

Stt	Danh mục hàng hóa	Quy cách đóng gói, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
18.3	Hóa chất xét nghiệm CK-MB trong máu	Thành phần hoạt chất: Hóa chất R1: Imidazole Good's buffer: 120 mmol/L; Glucose: 25 mmol/L; N-Acetyl Cysteine (NAC): 25 mmol/L; Magnesium acetate: 12.5 mmol/L; EDTA-Na2: 2 mmol/L; NADP: 2.5 mmol/L; Hexokinase (HK): ≥ 5 kU/L; Kháng thể đơn dòng chống lại CK-M ở người (chuột); năng lực ức chế: 2500 U/L Hóa chất R2: Imidazole/Good's buffer: 90 mmol/L; ADP: 10 mmol/L; AMP: 28mmol/L; Glucose-6-Phosphate-Dehydrogenase (G6P-DH): ≥ 15 kU/L; Diadenosine pentaphosphate: 50 μ mol/L; Creatine phosphate: 150 mmol/L Hộp ≥ 50 ml	Hộp	5
	Tổng cộng: 20 mặt hàng			